

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 262/2018/DS-PT

Ngày 19/10/2018

V/v “Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10/10 và 15,19/10/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLPT- DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp về nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/ DS – ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2018/QĐ – PT ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị H, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị X, sinh năm 1963,
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955.
Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1974;
2. Chị Nguyễn Thị Bích T (T), sinh năm 1989;
3. Anh Dương Văn T, sinh năm 1985.
Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Chị Nguyễn Thị P (T), sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T là bị đơn của vụ án.

(Bà H, bà X có mặt, ông T, ông Trường A, ông T, chị P, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, Biên bản hòa giải ngày 24/5/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Bà tổ chức chơi hụi, ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị X là hụi viên tham gia và còn nợ các dây hụi như sau:

1- Ngày 30/6/2012 âm lịch, hụi khui theo mùa là 5.000.000đ, 28 chân, dây này ông T bà X một chân, số thứ tự theo sổ là thứ 03, ghi là vợ chồng chị S. Dây hụi này ông T bà X còn nợ hụi chết 12 lần là 60.000.000đ (12 lần x 5.000.000đ).

Trong dây hụi này vào ngày 30/9/2014 âm lịch ông T bà X mua lại chân hụi của ông Dương Văn T, ông T châu được 05 lần, sau khi mua ông T bà X châu được 11 lần hụi sống, số tiền thực châu là 23.750.000đ, đến lần thứ 16 thì hụi bể.

Dây hụi này bà có ý kiến như sau: Ông T bà X còn nợ 60.000.000đ, đã châu chân hụi mua của ông T 11 lần, bà chấp nhận 11 lần x 5.000.000đ = 55.000.000đ, như vậy dây hụi này ông T bà X còn nợ 5.000.000đ (60.000.000đ – 55.000.000đ), yêu cầu ông T bà X phải trả số tiền này.

2- Hụi ngày 08/4/2014 âm lịch, hụi 5.000.000đ, 30 chân, dây này ông T bà X tham gia một chân số thứ tự là thứ 22, ghi tên là T, chị T nay đang ở ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ông T bà X châu 3 lần hụi sống đến lần thứ tư thì hốt số tiền là 97.000.000đ, dây này còn thiếu 02 lần hụi chết x 5.000.000đ = 10.000.000đ.

3- Hụi ngày 06/02/2015 âm lịch, hụi 2.000.000đ, 25 chân, dây này ông T bà X tham gia một chân số thứ tự là 23 ghi tên là T (T là con bà X, ông T) bà X ông T thiếu 08 lần hụi chết x 2.000.000đ = 16.000.000đ.

4- Hụi ngày 01/4/2015 âm lịch, hụi 1.000.000đ, 28 chân, dây này ông T bà X 02 chân, chân thứ nhất số thứ tự là 12 ghi tên chị S; chân thứ hai số thứ tự là 13, ghi tên là T (T là con bà X). Hai chân này ông T bà X thiếu mỗi chân là 13 lần x 2 = 26 lần hụi chết x 1.000.000đ = 26.000.000đ.

Tổng cộng trong 04 dây hụi ông T bà X còn thiếu 57.000.000đ.

Do ông T bà X là người chơi hụi với bà trong các dây hụi nêu trên, nếu ông T và bà X không thừa nhận dây hụi ngày 08/4/2014 âm lịch, do chị T1 đứng tên và dây hụi ngày 06/02/2015 âm lịch, do chị T đứng tên, bà cũng không yêu

cầu chị T1 và chị T trả nợ, nếu sau này có yêu cầu bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Nay bà yêu cầu ông T và bà X phải trả 57.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày 30/6/2016 đến nay với số tiền 57.000.000đ, theo lãi suất do Nhà nước quy định. Yêu cầu Tòa án duy trì Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-BPBD ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T để đảm bảo thi hành án cho bà, nếu sau này có thiệt hại bà cam kết bồi thường thiệt hại cho người bị kê biên tài sản, không khiếu nại nội dung gì.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa, bị đơn Phan Thị X trình bày:

Bà và ông T có tham gia hội do bà H làm chủ hội như sau:

1. Hội ngày 30/6/2012 âm lịch, hội khui theo mùa là 5.000.000đ, 28 chân, đây hội này chúng tôi tham gia một chân số thứ tự là thứ 03, ghi vợ chồng chị S. Mua của ông T một chân.

Phần hội của bà số thứ tự là 3, bà còn thiếu 11 lần hội chết x 5.000.000đ = 55.000.000đ.

Phần hội mua lại của ông T là hội chết, vợ chồng bà đã châu 16 lần x 5.000.000đ = 80.000.000đ.

Sau khi khấu trừ, đây hội này vợ chồng bà còn nợ bà H 5.000.000đ.

2. Hội ngày 06/02/2015 âm lịch, hội 2.000.000đ, 25 chân, đây này vợ chồng tôi tham gia một phần, số thứ tự là thứ 23 ghi tên là T, phần hội này chúng tôi còn thiếu 08 lần hội chết x 2.000.000đ = 16.000.000đ.

3. Hội ngày 01/4/2015 âm lịch, hội 1.000.000đ, 28 chân, đây này vợ chồng bà tham gia 02 phần, phần thứ nhất số thứ tự là thứ 12 ghi tên chị S; phần thứ hai số thứ tự là 13, ghi tên là T. Hai chân này vợ chồng bà còn thiếu bà H là $13 \times 2 = 26$ lần hội chết x 1.000.000đ = 26.000.000đ.

- Hội mang tên T vợ chồng bà không tham gian ên không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Tổng cộng ba đây hội nêu trên vợ chồng bà còn nợ bà H là 47.000.000đ (5.000.000đ + 16.000.000đ + 26.000.000đ).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà X là vợ ông, ông biết bà X tham gia chơi hội với bà H, cụ thể như thế nào ông không biết, ông thống nhất với lời khai và yêu cầu của bà X. Nếu bà X có thiếu nợ bà H ông đồng ý cùng bà X trả nợ cho bà H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường A trình bày: Bà H là vợ ông, trong các đây hội giữa bà H với bà X, có một số đây hội ghi vợ chồng đảm bảo trách nhiệm, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, số tiền hội bà X, ông T nợ bà H là tiền riêng của bà H, ông không có ý kiến và yêu cầu gì về số tiền này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T trình bày: Anh không có quan hệ bà con gì với bà H và bà X, vào ngày 30/6/2012 âm lịch, anh có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, hụi 5.000.000đ, gồm 28 chân, anh tham gia hai chân. Chân thứ nhất châu hụi sống được 05 lần thì bán lại cho bà X số tiền khoảng 14.500.000đ, khi bán bà H, bà X và anh cùng thống nhất nên nay anh không còn liên quan gì đến chân hụi này. Chân thứ 02 giữa anh và bà H đã tự giải quyết xong, nay anh không có yêu cầu gì với bà H.

Tại Bản tự khai ngày 21/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị không có liên quan gì đến việc bà X là mẹ chị tham gia chơi hụi với bà H nên chị không có ý kiến gì, mọi việc là do mẹ chị giải quyết với bà H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P trình bày: Vào ngày 08/4/2014 âm lịch chị có ghi tên tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, hụi 5.000.000đ, khai hàng tháng, đến ngày khai hụi thì chị biết có 30 người tham gia, vì thời gian mần hụi lâu, nên chị không tham gia nữa, chị chưa châu và chưa hốt lần nào, việc bà H cho ai chơi thế vào chân hụi của chị, chị không biết và không có ý kiến gì.

Tại các Biên bản lấy lời khai cùng ngày 17/11/2017 người làm chứng bà Phạm Thị L, bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Văn T trình bày: Các ông, bà không có bà con gì với bà H và bà X, biết bà X có tham gia chơi hụi với bà H, hụi 5.000.000đ khai hàng tháng, có khoảng 30 người tham gia, nhưng không nhớ ngày tháng năm. Có nghe bà H nói, đây hụi này lúc đầu chị T1 ghi tên tham gia, sau đó thì không tham gia nữa nên để cho bà X thế vào, ngoài ra không biết thêm sự việc gì khác.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST, ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Mai Thị H đối với bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T. Không chấp nhận một phần yêu cầu bà Mai Thị H đối với bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà X và ông T phải trả 10.000.000đ trong đây hụi ngày 08/4/2014 âm lịch;

Buộc bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Mai Thị H số tiền nợ hụi gốc và lãi là 55.470.000đ (Năm mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà X và ông T chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T chịu trách nhiệm liên đới phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.773.500đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bà Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận là 576.500đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00652 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Bà H được nhận lại 2.223.500đ (Hai triệu hai trăm hai ba nghìn năm trăm đồng), nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thi số 07/2017/QĐ-BPBD ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, để đảm bảo thi hành án cho bà Mai Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2018, ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị X kháng cáo với nội dung: Không đồng ý trả số tiền nợ hui cho chị Mai Thị H số tiền vốn và lãi là 55.470.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền là 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phan Thị X thống nhất 02 dây hui: Dây hui ngày 06/02/2015 al, hui 2.000.000 đồng, 25 chân, dây này ông, bà tham gia một chân số thứ tự là 23 ghi tên Tuyền (con ông T, bà X) ông, bà thiếu 8 lần hui chết x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng và dây hui ngày 01/4/2015al, hui 1.000.000 đồng, 28 chân, dây này ông, bà chơi 02 chân, chân thứ nhất số thứ tự là 12 ghi tên chị Sáu, chân thứ 2 số thứ tự là 13, ghi tên là T. Hai chân này ông, bà thiếu mỗi chân là 13.000.000 đồng. Hai chân là 26.000.000 đồng. Nay bà X chỉ yêu cầu xem xét dây hui ngày 30/6/2012al, hui khui theo mùa là 5.000.000 đồng, 28 chân, dây này vợ chồng bà đã hót hui còn thiếu lại bà H 12 lần hui chết với số tiền là 60.000.000 đồng. Đối với dây hui ngày 30/6/2012 al bà còn 01 chân mua lại của ông T, ông T châu được 05 lần thì bán lại cho bà là 14.500.000 đồng, sau đó bà Châu tiếp được 11 lần hui sống không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Lần thứ 17 thì bà định hót hui nhưng bà H nói là hui bể không cho bà hót nhưng thực chất bà nghe bà H còn thu tiền hui của một số người khác chơi chung dây hui này. Nên nay bà yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông X, bà H là có một phần căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị X. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị X đồng ý trả cho bà Mai Thị H hai dây hui ngày 06/02/2015 al và dây hui ngày 01/4/2015 al, vợ chồng bà còn thiếu lại bà H tổng cộng là 42.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho vợ chồng bà dây hui ngày 30/6/2012 al bà tham gia chơi một chân, bà thừa nhận đã hốt hui và hiện còn thiếu lại bà H là 60.000.000 đồng hui chết. Đối với dây hui này thì bà có mua của ông Dương Văn T, khi ông T châu được 05 lần hui sống thì bán lại cho bà là 14.500.000 đồng, sau đó bà tiếp tục châu được 11 lần cho bà H nhưng không rõ số tiền là bao nhiêu. Nay bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại dây hui ngày 30/6/2012 al mà bà mua của ông Thiện tính tất cả là bà đóng được 16 lần hui sống, đến lần thứ 17 thì bà hốt nhưng bà H nói hui bể không cho bà hốt, nhưng thực tế bà có nghe các hui viên khác nói rằng bà H vẫn còn thu tiền hui của các hui viên khác, tức là dây hui này không có vỡ như bà H trình bày, nên bà yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà dây hui này đối với phần mua lại của ông T là 80.000.000 đồng (16 lần x 5.000.000đ) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Xét thấy lời trình bày của bà X là có căn cứ, vì bà H cho rằng dây hui ngày 30/6/2012 al đã bị vỡ vì tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/11/2017, bà H đều thừa nhận sau khi bà tuyên bố vỡ hui nhưng bà vẫn còn thu hui của ông B 03 lần, chị Nô 05 lần. Do vậy, dây hui này theo bà H trình bày bị vỡ là không có cơ sở, nên buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho bà X, ông T số tiền đối với chân hui mà bà X, ông T đã mua của ông T trong dây hui này là $16 \times 5.000.000đ = 80.000.000$ đồng. Như vậy, trong dây hui ngày 30/6/2012 al thì sau khi trừ số tiền hui chết mà bà X, ông T còn nợ bà H cũng trong dây hui này là 60.000.000đ (12 x 5.000.000đ) thì H còn còn phải trả cho bà X, ông T 20.000.000đ (80.000.000đ – 60.000.000đ).

[2] Đối với dây hui ngày 06/02/2015 al và dây hui ngày 01/4/2015 al, thì tại phiên tòa phúc thẩm, bà X đã thống nhất còn nợ bà H tổng cộng là 42.000.000 đồng (dây hui ngày 06/02/2015 al còn nợ 16.000.000 đồng; dây hui 01/4/2015 al còn nợ 26.000.000đ) và đồng ý trả cho bà H cũng như đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về phần tiền lãi, đối với dây hụi mùa ngày 30/6/2012 al thì tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu tính lãi mà yêu cầu Hội đồng xét xử số tiền vốn, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi của dây hụi này, tức là số tiền 20.000.000đ mà bà H còn nợ bà X, ông T trong dây hụi này. Đối với hai dây hụi ngày 06/02/2015 al và ngày 01/4/2015 al mà bà X, ông T còn nợ bà H tổng cộng là 42.000.000đ thì bà X đồng ý chịu lãi theo quy định của pháp luật theo Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử (tổng cộng tiền lãi là 8.470.000 đồng), nên Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm về phần này.

[4] Như vậy bà X, ông T phải trả cho bà H là: 22.000.000đ tiền vốn (42.000.000đ – 20.000.000đ) và 8.470.000đ tiền lãi, tổng cộng = 30.470.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: do bà X, ông T phải trả cho bà H 30.470.000 đồng nên bà X, ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.523.500đ. Bà H do không được chấp nhận số tiền = 65.470.000đ - 30.470.000đ = 35.000.000đ x 5% = 1.750.000đ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên bà X, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu bà Mai Thị H đối với bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà X và ông T phải trả 10.000.000đ trong dây hụi ngày 08/4/2014 âm lịch.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Mai Thị H đối với bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T đối với các dây hụi ngày 30/6/2012 âm lịch, ngày 06/02/2015 âm lịch và ngày 01/4/2015 âm lịch.

Buộc bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị H số tiền nợ hụi gốc và lãi là 30.470.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T phải liên đới phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.523.500 đồng.

- Bà Mai Thị H phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00652 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên H được nhận lại 1.050.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị X và ông Nguyễn Văn T không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số 0002797 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định kê biên khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-BPBD ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, để đảm bảo thi hành án cho bà Mai Thị H.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy